

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26/02/2019.

“V/v Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Khanh và ông Đào Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên tòa: Bà Tổng Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 312/2018/ST-HNGĐ ngày 14/12/2018 về việc ly hôn, nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/02/2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1996.

ĐKKHKT: thôn Hộ Vệ, xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: thôn Ngọc Trì, xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991.

ĐKKHKT và nơi cư trú: thôn Hộ Vệ, xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện vào năm 2013 tại UBND xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau chung sống tại gia đình nhà chồng. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống không có hạnh phúc. Anh T không quan tâm đến cuộc sống của mẹ con chị, anh đi làm nhưng không gửi kinh tế cho chị nuôi con, chị cũng đã nói chuyện với anh nhiều lần nhưng anh không thay đổi quan điểm và cách sống của mình. Mặt khác mối quan hệ giữa chị và gia đình nhà chồng không được tốt nên mỗi lần vợ chồng xảy ra xô sát thì bố mẹ chồng luôn đổ lỗi cho chị. Cuộc sống gia đình mệt mỏi, chị và anh đều không tìm được biện pháp nào để cải thiện cuộc sống gia đình. Chị đã bị gia đình nhà chồng đuổi ra khỏi nhà từ tháng 07/2017, anh chị sống ly thân từ đó. Trong suốt khoảng thời gian vợ chồng sống ly thân, chị và anh chưa lần nào nói chuyện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh để mỗi người ổn định cuộc sống riêng của mình.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng N2, sinh ngày 18/10/2013 và Nguyễn Thị Thúy N3, sinh ngày 21/3/2015. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi dưỡng con Ngà và để con Nhung cho anh T nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trường hợp anh T có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 con chị cũng hoàn toàn nhất trí, chị không tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay các con vẫn đang sinh sống cùng anh T, các con vẫn phát triển tốt về mọi mặt. Trong suốt khoảng thời gian vợ chồng sống ly thân gia đình không ngăn cản chị thăm gặp con nhưng chị không muốn gặp con ở nhà, chị thường xuyên gặp con ở trường. Chị cũng không lần nào đóng học cho các con, ai là người đóng học cho các con chị không nắm được.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh Nguyễn Văn T không đến tham gia tố tụng tại Tòa. Anh gửi bản tự khai đến Tòa thể hiện quan điểm như sau: Anh và chị N đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND xã Cẩm Hưng. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không hòa hợp và đã sống ly thân được một thời gian. Về con chung: Anh chị có 02 con chung, khi ly hôn anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con, tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định. Về tài sản chung, nợ và công sức: Anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện gia đình chị N bà Nguyễn Thị D trình bày: Chị N và anh T được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau chung sống tại gia đình anh T. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau, sống không có trách nhiệm với nhau.

Mặt khác chị N còn có mâu thuẫn với gia đình nhà chồng, trong khoảng thời gian anh T đi vắng, chị N sinh sống với gia đình nhà chồng, chị thường xuyên bị chèn ép, chị bị gia đình nhà chồng đuổi ra khỏi nhà. Cuộc sống của chị rất mệt mỏi. Anh chị đã sống ly thân được nhiều năm và không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn anh T. Về con chung: Bà đề nghị Tòa án nên giao con cho anh T nuôi dưỡng cả hai để ổn định cuộc sống của các cháu vì hiện nay các cháu vẫn đang sinh sống cùng anh T. Gia đình anh T cũng không ngăn cản việc chị N thăm gặp con. Các con khỏe mạnh, phát triển tốt.

Quan điểm của đại diện gia đình anh T là bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Anh chị T N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì có mâu thuẫn nảy sinh. Nguyên nhân là do chị N sống không có trách nhiệm với gia đình nhà chồng, không có trách nhiệm với chồng với con. Gia đình bà đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị không thay đổi cách sống. Bà nói chị thường xuyên cãi lời. Mâu thuẫn gia đình trở nên trầm trọng là từ tháng 7/2017, chị cãi hờn với bà, sau đó chị bỏ về nhà để ở từ thời gian đó đến nay. Khi anh T gọi điện chị về để gia đình nói chuyện, chị cũng từ chối không về, chị không quan tâm gì đến gia đình bà nữa. Bà xác định chị không làm tròn trách nhiệm của người con, người mẹ, người vợ trong gia đình. Nay chị làm đơn xin ly hôn anh T, bà xác định anh chị không thể tiếp tục chung sống được cùng nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn để mỗi người ổn định cuộc sống riêng của mình. Về con chung: Anh chị có 02 con chung, bà đề nghị Tòa án giao cả hai con cho anh T nuôi dưỡng và không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con chung bởi các con vẫn do anh T nuôi dưỡng từ thời điểm vợ chồng ly thân, chị N chưa lần nào về nhà thăm con cũng như có trách nhiệm đóng góp cho việc nuôi dưỡng con. Các con không ở với chị vẫn phát triển tốt về mọi mặt, bà cho rằng không nên thay đổi môi trường sống của các cháu. Bà vẫn trẻ khỏe và làm lao động tự do nên có đủ khả năng để giúp đỡ anh T chăm sóc các cháu khi anh T đi làm. Về chỗ ở gia đình bà đảm bảo tốt cho các cháu. Bà khẳng định gia đình bà có đủ điều kiện cả về mặt vật chất lẫn tinh thần để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của các cháu.

Quan điểm của chính quyền địa phương và nhà trường nơi các cháu học tập xác định: Anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn Hộ Vệ, xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Hiện nay anh vẫn đang sinh sống tại địa chỉ trên cùng bố mẹ đẻ. Anh chị T N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã Cẩm Hưng vào năm 2013. Sau khi kết

hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Thời gian gần đây chính quyền địa phương không thấy chị N sinh sống tại gia đình anh T. Nay được biết chị N làm đơn xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật làm sao đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Về con chung: Hiện nay các con anh chị đang học tại trường Mần non xã Cẩm Hưng, các con vẫn phát triển tốt về mọi mặt. Việc đưa đón và đóng học cho các con chủ yếu là do ông bà nội đảm nhiệm, thỉnh thoảng nhà trường có thấy chị N đến thăm gặp con và chỉ gửi cho con quà, chưa lần nào đóng học cho các con. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì giải quyết về con làm sao đảm bảo quyền lợi cho các bên nhưng cũng phải đảm bảo sự ổn định tâm sinh lý và chỗ ở cho các con.

Tại phiên toà, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình. Về quan hệ vợ chồng: Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T, về con chung: chị đồng ý để 02 con chung cho anh T nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ và công sức: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng qui định của BLTTDS, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng qui định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng qui định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Hồng N1, sinh ngày 18/10/2013 cho anh T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con Nguyễn Thị Thúy N2, sinh ngày 21/3/2015 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không phải giải quyết. Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn Hộ Vệ, xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Chị N có đơn khởi kiện anh T. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2]. Về nội dung vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Hưng vào năm 2013. Đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống không có hạnh phúc. Anh chị sống ly thân một thời gian dài, hiện nay mỗi người có một cuộc sống riêng không ai quan tâm đến cuộc sống của ai và không có biện pháp gì để tổ chức cuộc sống chung hạnh phúc. Tòa án tổ chức hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt, điều đó khẳng định anh cũng không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Lời trình bày về mâu thuẫn vợ chồng của anh chị phù hợp với nhau, phù hợp với lời trình bày của đại diện gia đình hai bên và chính quyền địa phương. Theo quy định của Luật HNGĐ thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau...HĐXX xét thấy, anh chị không thực hiện được các nghĩa vụ nêu trên. Điều đó chứng minh mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: Anh chị đều thống nhất quan điểm. Khi Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh thì anh có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 con và tự nguyện không yêu cầu chị cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tại phiên tòa chị N nhất trí với quan điểm của anh T. HĐXX xét thấy, chị N chấp nhận theo yêu cầu của anh T là tự nguyện, không bị ai ép buộc và không trái pháp luật, phù hợp với thực tế cuộc sống của các con. Hiện nay các con vẫn đang

sinh sống cùng anh T , chị N không có trách nhiệm gì với con trong suốt khoảng thời gian vợ chồng sống ly thân và các con vẫn phát triển ổn định, tốt về mọi mặt nên HĐXX chấp nhận yêu cầu về con chung của anh T . Giao 02 con Nguyễn Thị Hồng Nhung, sinh ngày 18/10/2013 và Nguyễn Thị Thúy Nga, sinh ngày 21/3/2015 cho anh T nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, về nợ và công sức đóng góp với gia đình hai bên:
Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn T .

2. Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Thị Hồng N1, sinh ngày 18/10/2013 và Nguyễn Thị Thúy N2, sinh ngày 21/3/2015 cho anh T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, gặp gỡ con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số AA/2017/0002346 ngày 14/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Về quyền kháng cáo: Thông báo cho chị N biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Giàng
- Chi cục THA dân sự huyện Cẩm Giàng
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Cẩm Hưng, Cẩm Giàng.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Đào

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Đào

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Giàng
- Chi cục THA dân sự huyện Cẩm Giàng
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Đào

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Đào

